TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày 05-11-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bá Tiến
Ông Lê Á

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn,TP Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLST-DS ngày 15/5/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank).**
Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đống Đa, TP Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/ UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 và Văn bản ủy quyền số 044/2019/ UQ-VPB ngày 08/4/2019):
1/ Ông **Lê Ngọc T1**, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ Miền Trung- VPBank AMC. (vắng mặt)
2/ Ông **Nguyễn Bá T2**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC. (vắng mặt)
3/ Ông **Nguyễn Anh T3**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC.(có mặt)
Cùng địa chỉ: Ngân hàng TMCP Việt Nam T chi nhánh Đà Nẵng, tầng 4, số 112 Phan Chu Tr, phường P, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- ***Bị đơn:*** Bà **Trần Thị H,** sinh năm: 1962.(vắng mặt)

Địa chỉ: K02/40 Phan Hành S, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, văn bản trình bày, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) ông Nguyễn Anh T3 trình bày:

Bà Trần Thị H vay của VPBANK Chi nhánh Đà Nẵng – PGD Sơn Trà theo Hợp đồng tín dụng số LN 1807160800185/STA/HĐCV ngày 25/7/2018 với các nội dung theo hợp đồng cụ thể như sau:

Bà H vay số tiền vay 636.000.000đ.

Thời hạn vay 83 tháng. Lãi và gốc trả hàng tháng, trả vào ngày 01 của tháng.

Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe ô tô Mitsubishi Outlander 2.0 CVT, mới 100%.

Theo thỏa thuận hợp đồng, mức lãi suất thỏa thuận trong hạn tại thời điểm giải ngân 8,6%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên. Từ ngày 26/7/2019 lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh bằng: Lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của Bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,7%/ năm. Từ ngày 01/10/2019 trở đi, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 1 lần vào các ngày 01/01; 04/4/; 01/7 và 01/10 hàng năm.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

Tài bảo đảm cho khoản vay nêu trên là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT, màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058526 do Phòng cảnh sát giao thông công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên bà Trần Thị H. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN 1807160800185/STA/HĐTC ký ngày 25/7/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh, thành phố Đà Nẵng. số công chứng 2261, đăng ký giao dịch ở Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Đà Nẵng theo quy định.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, căn cứ Giấy đề nghị giải ngân của bà H ngày 26/7/2018, Ngân hàng chúng tôi đã giải ngân toàn bộ số tiền 636.000.000đ vào tài khoản số 158097947 của bà Trần Thị H mở tại Ngân hàng để bà ủy nhiệm chi thanh toán tiền mua xe MITSUBISHI OULANDER cho Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng (kèm theo khế ước nhận nợ và Ủy nhiệm chi ký ngày 26/7/2018).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, mặc dù hợp đồng chưa hết thời hạn nhưng do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) kể từ ngày 01/11/2018, Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện và gửi thông báo đôn đốc cho bà Trần Thị H nhưng bà H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng chúng tôi quyết định thu hồi trước hạn đối với toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi nêu trên theo thỏa thuận được quy định tại Khoản 1 Điều 6 Hợp đồng tín dụng nêu trên và chúng tôi khởi kiện bà H ra Tòa án để thu hồi nợ.

Quá trình vay, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi cụ thể như sau:

-Nợ gốc đã trả là: 26.097.388đ vào các ngày:

+ Ngày 01/9/2018 hệ thống tự trích 15đ từ tiền lãi duy trì tài khoản.

+ Ngày 05/9/2018 trả 7.662.000đ

+ Ngày 11/10/2018 trả 6.000.000đ

+ Ngày 27/11/2018 trả 3.435.360đ

+ Ngày 15/10/2019 trả 9.000.013đ

-Nợ lãi đã trả là: 10.126.870đ vào các ngày:

+ Ngày 01/9/2018 hệ thống tự trích 206đ từ tiền lãi duy trì tài khoản.

+ Ngày 05/9/2018 trả 5.561.228đ (lãi trong hạn)

+ Ngày 01/10/2018 hệ thống tự trích 776đ từ tiền lãi duy trì tài khoản.

+ Ngày 27/11/2018 trả 4.564.660đ (2.336.257đ lãi trong hạn và 2.228.403đ quá hạn)

Lãi trong hạn được tính từ ngày giải ngân 26/7/2018 đến ngày xét xử ngày 05/11/2019 với mức lãi suất 8,6%/ năm là 9.192.826đ. Lãi quá hạn được tính từ ngày quá hạn 01/11/2018 đến ngày xét xử 05/11/2019 với mức lãi suất quá hạn 8,6% x 1,5 = 12,9%/năm là 77.452.569đ.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2019 là 657.133.216đ (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm mười sáu đồng) trong đó tiền nợ gốc là 618.902.640đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 31/3/2019 là 38.230.576đ và đề nghị bà H phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng tôi xác nhận lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà bà H còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) tính đến ngày xét xử (ngày 05/11/2019) mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu bà H phải thanh toán thì tiền nợ gốc có giảm 9.000.013đ (trả vào ngày 15/10/2019), tiền lãi có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 609.902.612đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 86.645.395đ (lãi trong hạn 9.192.826đ tính từ ngày 26/7/2018 đến ngày 31/10/2018; lãi quá hạn 77.452.569đ tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 05/11/2019); Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi Ngân hàng yêu cầu là: 696.548.007đ.

Nay đại diện cho Ngân hàng, tôi đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị H phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 số tiền 696.548.007đ, cụ thể: Nợ gốc**:** 609.902.612đ; nợ lãi trong hạn: 9.192.826đ; nợ lãi quá hạn: 77.452.569đ và buộc bà H phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 06/11/2019 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà Trần Thị H không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT , màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký

xe ô tô số 058526 do Phòng cảnh sát giao thông công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên bà Trần Thị H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đề nghị bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định.

** Bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để bà H trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay bà H vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/9/2019 bà H đã trình bày ý kiến như sau:*

Tôi có ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp vay vốn ngày 25/7/2018 để vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank). Tôi thống nhất với nội dung của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp. Tôi vay tiền của Ngân hàng là để thêm tiền mua xe ôtô Biển kiểm soát số 43A-368.04 (chiếc xe được thế chấp) để con trai tôi có phương tiện làm ăn sinh sống.

Tôi xác nhận hiện nay tôi còn nợ số tiền nợ gốc và lãi như yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay do làm ăn gặp khó khăn nên tôi xin Ngân hàng giảm bớt tiền lãi cho tôi và cũng xin Ngân hàng gia hạn thêm thời gian trả nợ gốc và lãi cho tôi. Đối với tài sản thế chấp là xe ôtô Biển kiểm soát số 43A-368.04 thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật, về hiện trạng chiếc xe này thì không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.Tôi có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng lý do tôi không đến Tòa là do tôi bận việc gia đình là chăm cháu nhỏ, ngoài ra tôi không biết đi xe lại không có người chở tôi nên tôi không đến Tòa án được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn bàTrần Thị H.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà H.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 429,463,466,468; 299;303 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; án lệ số 08: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với bà Trần Thị H. Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền 696.548.007đ trong đó: Nợ gốc: 609.902.612đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 86.645.395đ (lãi trong hạn 9.192.826đ tính từ ngày 26/7/2018 đến ngày 31/10/2018; lãi quá hạn 77.452.569đ tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 05/11/2019). Trường hợp bà H không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT, màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058526 do Phòng

cảnh sát giao thông công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên bà Trần Thị H (theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN 1807160800185/STA/HĐTC ký ngày 25/7/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh, thành phố Đà Nẵng theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.500.000đ bà H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H.

[1.2] Về thủ tục tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT, màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04. Tòa án cũng đã tiến hành tuy nhiên phía bị đơn bà H không để xe tại địa điểm xem xét vào thời gian Tòa án tiến hành như đã được Thông báo nên không thể xem xét được, Ngân hàng cũng không có ý kiến về vấn đề này. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà H cũng như đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T thì tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát số 43A-368.04 tại thời điểm xem xét không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp nên được Toà án ghi nhận.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2019 là 657.133.216đ (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm mười sáu đồng) trong đó tiền nợ gốc là 618.902.640đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 31/3/2019 là 38.230.576đ và đề nghị bà H phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng xác nhận lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà bà H còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) tính đến ngày xét xử (ngày 05/11/2019) là: Nợ gốc: 609.902.612đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 86.645.395đ (lãi trong hạn 9.192.826đ tính từ ngày 26/7/2018 đến ngày 31/10/2018; lãi quá hạn 77.452.569đ tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày

05/11/2019); Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho Ngân hàng là: 696.548.007đ và buộc bà H phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 06/11/2019 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Trần Thị H không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT , màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058526 do Phòng cảnh sát giao thông công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên bà Trần Thị H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị H để bà H đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án theo triệu tập. Tuy nhiên, vào ngày 30/9/2019 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà H. Theo nội dung trình bày của bà H, bà H xác nhận có vay Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Bà H xác nhận có nợ gốc và lãi như Ngân hàng đã trình bày tuy nhiên do điều kiện làm ăn của bà và con trai bà gặp khó khăn nên bà xin Ngân hàng giảm bớt tiền lãi vay và cho bà thêm thời gian để trả nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 25/7/2018 bà Trần Thị H vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBANK Chi nhánh Đà Nẵng – PGD Sơn Trà) theo Hợp đồng tín dụng số LN 1807160800185/ST A/HĐCV, với nội dung: Bà H vay số tiền vay 636.000.000đ.

Thời hạn vay 83 tháng. Lãi và gốc trả hàng tháng, trả vào ngày 01 của tháng.

Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe ô tô Mitsubishi Outlander 2.0 CVT, mới 100%.

Theo thỏa thuận hợp đồng, mức lãi suất thỏa thuận trong hạn tại thời điểm giải ngân 8,6%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên. Từ ngày 26/7/2019 lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh bằng: Lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của Bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,7%/ năm. Từ ngày 01/10/2019 trở đi, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 1 lần vào các ngày 01/01; 04/4/; 01/7 và 01/10 hàng năm.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

Tài bảo đảm cho khoản vay nêu trên là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT, màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04.

Ngân hàng cũng đã thực hiện việc giải ngân số tiền 636.000.000đ mà bà H vay vào ngày 26/7/2018 vào tài khoản số 158097947đ của bà Trần Thị H

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi trả trong vòng 83 tháng tính từ ngày 26/7/2018.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng bà H mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T được số tiền nợ gốc là: 26.097.388đ; nợ lãi là: 10.126.870đ. Số tiền bà H đã thanh toán này bao gồm cả khoản tiền gốc 9.000.013đ mà bà H thanh toán cho Ngân hàng trong quá trình Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi của bà H tính đến ngày xét xử (ngày 05/11/2019) mà Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả là: Nợ gốc: 609.902.612đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 86.645.395đ (lãi trong hạn 9.192.826đ tính từ ngày 26/7/2018 đến ngày 31/10/2018; lãi quá hạn 77.452.569đ tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 05/11/2019); Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho Ngân hàng là: 696.548.007đ.

HĐXX thấy: Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết nên việc Ngân hàng TMCP Việt Nam T chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với bà H và khởi kiện để yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với thỏa thuận đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và bà Trần Thị H thể hiện tại Điều 2; Điều 6; Điều 7 Mục II của Bản Điều Khoản và Điều Kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dung cá nhân kèm theo Hợp đồng tín dụng số LN 1807160800185/ST A/HĐCV ngày 25/7/2018.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến của bị đơn. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463,466,468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T, buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 696.548.007đ trong đó: Nợ gốc: 609.902.612đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 86.645.395đ (lãi trong hạn 9.192.826đ tính từ ngày 26/7/2018 đến ngày 31/10/2018; lãi quá hạn 77.452.569đ tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 05/11/2019); là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với yêu cầu xin giảm bớt tiền lãi vay và cho thêm thời gian để trả nợ cho Ngân hàng của bà H không được Ngân hàng đồng ý nên HĐXX không có cơ sở xem xét được.

Trong trường hợp bà Trần Thị H không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T thì Ngân hàng đề nghị xử lý đối với tài sản bà H đã thế chấp là có cơ sở. Do vậy, HĐXX thấy cần tuyên trong trường hợp bà H không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT, màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058526 do Phòng cảnh sát giao thông công an TP Đà Nẵng cấp ngày

23/7/2018 đứng tên bà Trần Thị H (theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN 1807160800185/STA/HĐTC ký ngày 25/7/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh, thành phố Đà Nẵng) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299, điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 để đảm bảo thi hành án.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị H phải chịu là 31.861.920đ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 14.942.664 cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

[2.6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000đ (đã nộp, đã chi) bà H phải chịu. Do Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bà H có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 1.500.000đ.

[2.7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

- Căn cứ quy định tại Điều 429,463,466,468; 299;303 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; án lệ số 08: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với bà Trần Thị H. Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền 696.548.007đ, trong đó: Nợ gốc: 609.902.612đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 86.645.395đ (lãi trong hạn 9.192.826đ tính từ ngày 26/7/2018 đến ngày 31/10/2018; lãi quá hạn 77.452.569đ tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 05/11/2019). Trường hợp bà H không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT, màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058526 do Phòng cảnh sát giao thông công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên bà Trần Thị H (theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN 1807160800185/STA/HĐTC ký ngày 25/7/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh, thành phố Đà Nẵng theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.500.000đ bà H phải chịu.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 429,463,466,468, 299,303 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với bà Trần Thị H về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

1/ Xử: Buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 696.548.007đ (Sáu trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn, không trăm không bảy đồng). Trong đó nợ gốc 609.902.612đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử 05/11/2019 là 86.645.395đ.

Kể từ ngày 06/11/2019, bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN 1807160800185/ST A/HĐCV ngày 25/7/2018 được ký kết giữa bà Trần Thị H với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBANK Chi nhánh Đà Nẵng – PGD Sơn Trà) cho đến khi bà H thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Trần Thị H không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI OULANDER 2.0 CVT, màu đen, số khung GF2MJ1000663, số máy YK95644B11, biển kiểm soát số 43A-368.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058526 do Phòng cảnh sát giao thông công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên bà Trần Thị H (theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN 1807160800185/STA/HĐTC ký ngày 25/7/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh, thành phố Đà Nẵng) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299, điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 để đảm bảo thi hành án.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.861.920đ (Ba mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi mốt ngàn, chín trăm hai mươi đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 14.942.664(Mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009563 ngày 14/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000đ (đã nộp, đã chi) bà H phải chịu. Do Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bà H có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 1.500.000đ.

IV. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

V. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga